

Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/6/2022	•		
Tuần 13/6-17/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa với gap âm gần 14 điểm, tuy nhiên khác với hôm qua, VN-Index trong ngày hôm nay đã vùng dậy mạnh mẽ, tiến lên ngưỡng 1240 trước khi quay lại đóng cửa tại vùng 1230, tăng 3 điểm so với hôm qua. Thị trường có 12/19 ngành tăng điểm, trong đó nhóm ngành tiện ích và dầu khí có mức tăng mạnh nhất hơn 4%. Tuy nhiên, số mã giảm lấn áp số mã tăng cho thấy dòng tiền tập trung vào một số mã nhất định trong từng ngành. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường hồi phục sau 1 phiên giảm mạnh với thanh khoản thấp cho thấy nguy cơ giảm trở lại vẫn khá lớn. Ngoài ra, Nhà đầu tư cần theo dõi quyết định của FED trong cuộc họp sắp tới diễn ra vào ngày 15-16/6. Tốc độ tăng lãi suất hơn mức dự kiến trước đây là 0.5% được coi là tín tiêu cực với thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng và ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index 3.27 điểm, đóng cửa 1230.31 điểm. HNX-Index 1.71 điểm, đóng cửa 290.08 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: GAS (+4.12), VCB (+0.73), FPT(+0.69), MWG (+0.66), SSB (+0.61).
- Kéo chỉ số giảm: HPG (-1.61), MSN (-0.95), VIB (-0.82), SAB (-0.48), TPB (-0.44).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 13.142 tỷ đồng, giảm 26.03% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14.516 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 28.23 điểm. Thị trường có 173 mã tăng, 47 mã tham chiếu và 288 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 307.40 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm GAS (54.28 tỷ), HPG (50.17 tỷ), HDB (35.84 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 35.34 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1230.31**
Giá trị: 13141.54 tỷ 3.27 (0.27%)
Khối ngoại (ròng): 307.4 tỷ

HNX-INDEX **290.08**
Giá trị: 1351 tỷ 1.71 (0.59%)
Khối ngoại (ròng): 35.34 tỷ

UPCOM-INDEX **90.62**
Giá trị: 1.16 tỷ 0.09 (0.1%)
Khối ngoại(ròng): 13.21 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	121.7	0.61%
Giá vàng	1,824	0.27%
Tỷ giá USD/VND	23,215	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	24,283	0.23%
Tỷ giá JPY/VND	17,281	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	1.9%	1.24%
LS TPCP 5 năm	2.6%	1.39%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	54.3	PNJ	-28.4
HPG	50.2	NVL	-24.5
HDB	35.8	MWG	-23.9
VHM	33.4	VNM	-20.2
DPM	32.8	DGW	-19.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/06

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	121.51	-0.49%	3.97%	23.42%	73.36%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	122.88	-0.57%	4.48%	21.38%	69.44%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	4.28	1.29%	2.04%	24.49%	93.30%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1847.55	-0.31%	-1.10%	0.51%	-2.67%	PNJ	
Bạc	USD/ounce	21.66	-1.69%	-2.78%	1.98%	-22.54%	PNJ	
Đậu tương	UScent/bushel	1769.00	1.67%	2.30%	11.10%	14.57%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1071.25	-0.33%	1.23%	-1.97%	56.67%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.42	0.49%	0.41%	-0.97%	41.98%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	259.50	0.54%	2.00%	5.19%	5.10%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	667.50	0.91%	2.14%	11.39%	71.93%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	16.64	-1.68%	-2.00%	-1.63%	28.65%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	234.65	1.21%	-1.51%	12.98%	47.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.37	-1.37%	-4.06%	5.33%	-2.68%	HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4600.00	0.00%	3.02%	-9.77%	-6.08%		
Nhôm	USD/ton	2762.00	-2.02%	-0.74%	0.31%	11.07%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	147.00	0.34%	6.14%	14.84%	-31.31%		HPG
Than đá	USD/ton	395.00	-0.10%	-4.24%	4.64%	213.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.35% lên 120.99 USD/thùng sáng ngày 14/6. Giá dầu thô Brent tăng 0.18% lên 122.24 USD/thùng.

Giá vàng

- Giá vàng kỳ hạn tháng 8 giảm 47.5 USD xuống còn 1,828 USD/ ounce. Vàng giao ngay đã giảm 46.8 USD xuống còn 1,826.4 USD/ ounce.
- Giá vàng hôm nay 14/6 trên thị trường quốc tế lao dốc trong bối cảnh đồng USD tăng mạnh lên đỉnh 20 năm sau khi Mỹ công bố lạm phát lên đỉnh 42 năm.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 255 yen/kg, giảm 0.47% (tương đương 1.2 yen/kg) tại thời điểm khảo sát vào lúc 7h20 (giờ Việt Nam).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh xuống mức 12,730 nhân dân tệ/tấn, giảm 1.51% (tương đương 195 nhân dân tệ) so với phiên giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê robusta trên sàn ICE Futures Europe - London kỳ hạn giao tháng 7/2022 giảm 38 USD (1.83%), giao dịch tại 2,039 USD/tấn. Trong khi, kỳ hạn giao tháng 9/2022 giảm 40 USD (1.41%) giao dịch tại 2,055 USD/tấn. Khối lượng giao dịch trung bình.
- Giá cà phê arabica trên sàn ICE Futures US - New York kỳ hạn giao tháng 7/2022 tiếp tục giảm mạnh 5.55 Cent (2.42%) xuống 223.35 Cent/lb. Trong khi, kỳ hạn giao tháng 9/2022 tăng 5.35 Cent/lb (2.34%) xuống 223.45 Cent/lb. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

	14/6	% 14/6	13/6	% 13/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1230.31	0.27%	1227.04	-4.44%	-4.73%	4.02%
S&P 500			3749.63	-3.88%	-9.02%	-4.72%
HĐTL S&P500	3777.00	0.63%	3753.50	-3.77%	-9.23%	-3.89%
Shang- hai	3288.91	1.02%	3255.55	-0.89%	1.45%	7.66%
Euro Stoxx	3505.12	0.07%	3502.50	-2.69%	-7.92%	-5.35%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

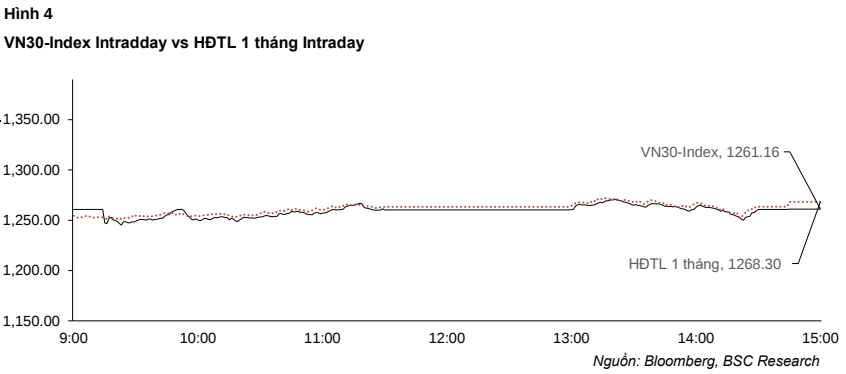
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
31/5/22	CTD	54.5	61	51	55.9	14	2.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
25/5/22	FRT	82.7	104.6	76.3	90	20	8.83%	Có thể tiếp tục mua
18/5/22	VCI	35	48	32.5	34.2	27	-2.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/6/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
30/5/22	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
27/5/22	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
26/5/22	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
4/5/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
3/5/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
28/4/22	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
27/4/22	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
26/4/22	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	1	5.70%	-2.29%	3.04%	20
Cổ phiếu đã chốt	247	217	7.08%	-7.57%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1268.30	0.64%	7.14	6.3%	353,747	6/16/2022	4
VN30F2207	1262.00	0.32%	0.84	71.9%	9,588	7/21/2022	39
VN30F2209	1265.00	-0.22%	3.84	-30.1%	174	9/15/2022	95
VN30F2212	1259.00	-0.08%	-2.16	109.9%	191	12/15/2022	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.31 điểm lên 1261.16 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, GAS, PNJ và STB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng và ngắn hạn trong phiên.

- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HD VN30F2206 và VN30F2212 tăng, các HD VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng tương tự khi các HD VN30F2206 và VN30F2212 tăng, các HD VN30F2205 và VN30F2209 giảm so với phiên trước đó. Lực hồi ngắn hạn trong phiên giao dịch hôm nay khi thị trường chờ đợi quyết định thay đổi lãi suất của FED. Xu hướng vận động dự kiến vẫn chủ đạo là đi ngang với mức thanh khoản thấp.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2202	8/1/2022	48	6:1	486,200	31.96%	4,000	2,050	19.88%	1,058	1.94	150,520	145,000	143,500
CFPT2202	6/24/2022	10	10:1	126,900	31.96%	1,700	1,820	18.18%	175	10.40	115,300	89,700	89,100
CPOW2201	7/15/2022	31	5:1	770,300	51.23%	1,000	220	10.00%	87	2.53	21,866	16,666	15,250
CVPB2203	7/15/2022	31	16:1	23,000	36.85%	1,000	440	7.32%	81	5.44	53,688	28,888	28,850
CHDB2205	10/20/2022	128	5:1	7,200	38.86%	1,000	710	5.97%	319	2.23	31,611	27,111	24,900
CNVL2204	9/20/2022	98	16:1	19,100	24.50%	1,000	410	5.13%	74	5.52	104,879	85,999	76,600
CMWG2204	10/7/2022	115	10:1	291,000	31.96%	3,000	1,580	3.95%	1,062	1.49	166,200	45,000	143,500
CVNM2204	10/7/2022	115	10:1	487,300	22.66%	1,500	540	3.85%	135	4.01	84,100	73,000	66,100
CMWG2201	9/20/2022	98	10:1	203,900	31.96%	2,600	2,270	3.18%	1,539	1.47	213,500	134,500	143,500
CPOW2203	9/5/2022	83	2:1	212,900	51.23%	1,600	1,250	0.00%	670	1.87	17,640	15,700	15,250
CVIC2206	9/19/2022	97	10:1	226,300	24.97%	1,900	750	0.00%	208	3.61	117,300	82,500	76,600
CMWG2203	9/26/2022	104	7:1	68,200	31.96%	1,990	1,950	-2.50%	1,234	1.58	160,530	148,000	143,500
CVRE2205	8/22/2022	69	5:1	360,500	38.62%	1,000	380	-2.56%	189	2.01	41,622	32,222	29,150
CVRE2207	10/20/2022	128	8:1	132,500	38.62%	1,000	350	-2.78%	172	2.04	43,333	33,333	29,150
CPOW2202	11/15/2022	154	5:1	365,300	51.23%	1,000	520	-3.70%	235	2.22	27,999	17,999	15,250
CVPB2204	11/15/2022	154	16:1	40,400	36.85%	1,000	740	-3.90%	134	5.51	45,448	30,888	28,850
CNVL2202	8/15/2022	62	16:1	762,700	24.50%	1,000	360	-5.26%	122	2.95	116,959	79,999	76,600
CVIC2205	10/20/2022	128	16:1	129,000	24.97%	1,100	550	-6.78%	104	5.31	93,386	86,666	76,600
CVIC2202	8/15/2022	62	16:1	34,300	24.97%	1,100	400	-11.11%	84	4.74	97,902	82,222	76,600
CVIC2204	8/22/2022	69	16:1	189,600	24.97%	1,000	400	-11.11%	78	5.13	105,093	83,333	76,600
Tổng				4,450,400	34.33%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													
**Trung bình độ lệch chuẩn													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CMWG2201 và CHDB2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 50.00% và 33.33%. Giá trị giao dịch giảm 41.12%, CHDB2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 35.58% thị trường.

- CKDH2203, CTPB2201, CVHM2206 và CHPG2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2201, CNVL2202, CNVL2201 và CNVL2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CMWG2201 và CVPB2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	143.5	2.5%	0.7	4,566	9.9	7,030	20.4	4.7	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	116.0	3.3%	0.7	1,222	4.8	5,443	21.3	3.5	48.9%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	51.4	2.6%	1.4	1,659	2.8	2,529	20.3	1.8	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.6	0.0%	0.6	495	0.2	3,644	13.3	1.5	58.4%	11.1%
VIC	Bất động sản	76.6	0.3%	0.5	12,702	6.8	(578) N/A	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	29.2	0.5%	1.1	2,880	2.9	401	72.7	2.1	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	66.0	0.0%	0.8	12,495	8.6	8,786	7.5	2.2	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	22.5	1.4%	1.5	594	7.6	1,503	15.0	1.5	30.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	24.4	-6.2%	1.6	1,051	19.6	3,023	8.1	1.6	34.3%	22.6%
VCI	Chứng khoán	34.2	-5.8%	1.0	498	5.1	4,884	7.0	1.6	18.8%	26.9%
HCM	Chứng khoán	19.8	-5.5%	1.6	394	2.6	2,619	7.6	1.2	42.5%	17.9%
FPT	Công nghệ	89.1	3.4%	1.0	4,250	8.8	4,293	20.8	5.1	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	69.0	0.0%	0.4	985	0.0	4,926	14.0	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	126.0	6.8%	1.0	10,485	7.2	5,109	24.7	4.4	2.8%	19.2%
PLX	Dầu khí	43.1	2.6%	1.5	2,381	2.6	1,950	22.1	2.1	17.2%	9.9%
PVS	Dầu khí	29.9	9.9%	1.6	621	14.5	1,408	21.2	1.2	9.2%	5.5%
BSR	Dầu khí	31.9	10.0%	0.8	4,300	30.8	2,108	15.1	2.6	41.1%	19.1%
DHG	Dược	90.5	0.0%	0.3	514	0.0	6,105	14.8	3.3	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	60.4	4.1%	1.2	1,028	15.0	12,920	4.7	1.9	16.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	38.8	5.7%	1.2	893	10.3	5,643	6.9	2.3	10.2%	38.9%
VCB	Ngân hàng	77.0	0.8%	0.8	15,844	3.5	4,855	15.9	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	32.3	1.1%	1.2	7,104	1.7	2,266	14.3	1.9	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	25.3	0.0%	1.5	5,276	3.1	2,558	9.9	1.2	26.2%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.9	0.3%	1.2	5,576	14.4	3,874	7.4	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.5	-0.6%	1.3	4,189	9.7	3,623	7.0	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.1	0.8%	1.1	3,539	2.1	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	54.6	-2.5%	0.7	194	0.1	3,150	17.3	1.8	85.8%	10.7%
NTP	Nhựa	41.0	-2.4%	0.5	210	0.1	3,990	10.3	1.7	17.7%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.4	-1.5%	1.5	927	0.4	178	109.0	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	30.3	-4.7%	1.1	5,893	38.1	7,443	4.1	1.4	20.8%	40.4%
HSG	Thép	18.8	-6.9%	1.5	402	10.3	7,157	2.6	0.8	7.3%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	66.1	-0.5%	0.6	6,006	4.0	4,390	15.1	4.3	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	150.0	-2.0%	0.8	4,182	1.3	5,969	25.1	4.5	62.6%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	106.3	-2.5%	1.0	6,580	7.7	7,041	15.1	5.5	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	0.3%	1.6	443	1.4	1,144	14.2	1.2	8.2%	8.3%
ACV	Vận tải	80.5	-4.8%	0.8	7,619	0.2	363	221.9	4.7	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	124.8	-0.1%	1.1	2,939	3.4	361	345.3	4.0	16.9%	1.2%
HVN	Vận tải	17.1	0.0%	1.7	1,646	0.8	(5,210) N/A	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	53.1	3.1%	1.0	696	6.6	2,256	23.5	2.4	44.3%	10.8%
PVT	Vận tải	21.0	3.2%	1.4	296	3.3	2,088	10.1	1.3	11.6%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	77.3	-2.2%	0.8	538	0.6	10,540	7.3	2.4	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.0	7.0%	0.8	974	5.0	3,677	13.6	2.9	4.4%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	-4.2%	1.1	266	0.5	783	20.5	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	55.9	4.3%	1.3	180	1.5	(27) N/A	N/A	0.5	46.6%	0.0%
CII	Xây dựng	18.4	-1.1%	1.3	202	2.9	1,266	14.5	0.9	10.4%	6.1%
REE	Điện	90.5	4.6%	-1.4	1,398	4.3	5,994	15.1	2.4	56.1%	16.7%
PC1	Điện	40.4	2.3%	-0.4	413	3.5	3,238	12.5	2.0	5.0%	16.9%
POW	Điện	15.3	0.0%	0.6	1,553	14.0	859	17.8	1.2	2.2%	6.9%
NT2	Điện	28.7	5.1%	0.7	359	4.8	1,933	14.8	1.9	14.4%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	43.0	1.5%	1.5	1,076	5.0	1,154	37.2	1.7	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	68.0	0%	0.9	3,060	0.7	1,190	57.1	4.3	2.6%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	126.00	6.78	3.93	1.36MLN
VCB	77.00	0.79	0.73	1.07MLN
FPT	89.10	3.36	0.68	2.31MLN
MWG	143.50	2.50	0.66	1.61MLN
SSB	33.00	4.43	0.60	2.89MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
HPG	0.00	-1.72	28.44MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.98	1.66MLN	607060
VIB	-0.01	-0.66	2.20MLN	373600
SAB	0.00	-0.49	196400	192700
TPB	0.00	-0.47	4.02MLN	611640

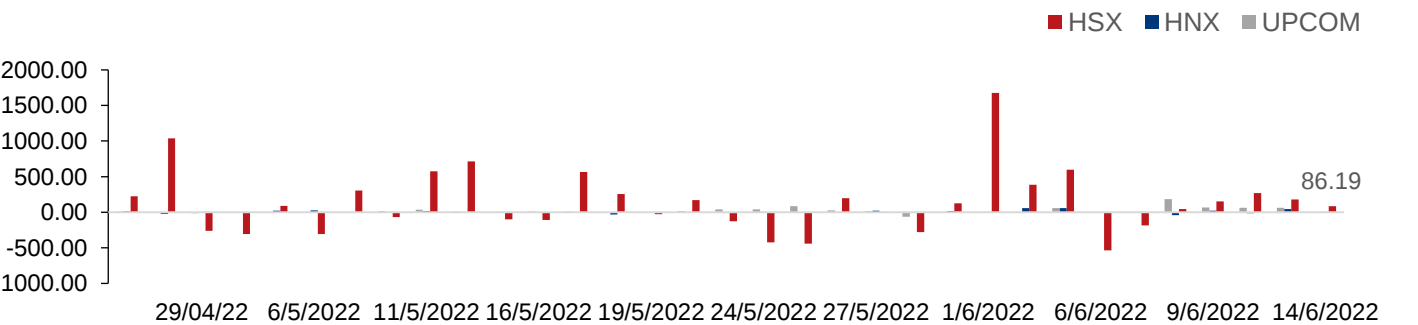
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	110.10	7.00	0.03	100.00
HOT	29.85	6.99	0.00	1200
VCF	239.20	6.98	0.11	100
VGC	49.95	6.96	0.37	2.37MLN
HU3	7.87	6.93	0.00	3000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FIT	7.44	-7.00	-0.04	2.96MLN
DBC	21.30	-6.99	-0.10	4.65MLN
DRH	9.72	-6.99	-0.02	2.70MLN
FLC	4.40	-6.98	-0.06	7.48MLN
LCG	12.00	-6.98	-0.04	3.38MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	83.0	4,228	19.6	5.5	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.7	1,701	8.0	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.7	1,933	14.8	1.9	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	76.2	10,029	7.6	1.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	90.0	4,874	18.5	5.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	40.4	3,238	12.5	2.0	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.9	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	89.1	4,293	20.8	5.1	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	29.0	2,466	11.8	1.9	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	20.7	9,632	2.1	0.9	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.3	859	17.8	1.2	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	143.5	7,030	20.4	4.7	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.0	2,088	10.1	1.3	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	125.8	8,710	14.4	6.4	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	30.3	7,443	4.1	1.4	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	43.0	1,154	37.2	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	24.6	5,084	4.8	1.6	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	22.5	1,503	15.0	1.5	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	120.9	8,596	14.1	5.4	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	54.6	2,136	25.6	2.7	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	29.2	2,701	10.8	2.0	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	98.0	8,331	11.8	2.8	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.8	1,941	15.9	1.4	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.6	3,644	13.3	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.9	1,408	21.2	1.2	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	126.0	5,109	24.7	4.4	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	20.4	3,141	6.5	1.3	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	55.9	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.7	1,701	8.0	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.2	1,350	8.3	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.2	1,350	8.3	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.9	2,433	4.9	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.0	5,443	21.3	3.5	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	143.5	7,030	20.4	4.7	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	51.5	2,762	18.6	3.6	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	40.1	1,900	21.1	1.7	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	31.9	2,108	15.1	2.6	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.8	1,034	16.2	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	98.0	8,331	11.8	2.8	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	41.2	2,916	14.1	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.2	689	17.6	0.9	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	21.3	2,054	10.4	1.0	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	47.7	3661.8	13.0	1.9	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	28.7	1,933	14.8	1.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
8	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
11	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
13	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
16	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
17	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
18	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
20	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
23	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
24	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
26	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
33	Banking Sector Outlook		x	Click
34	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
36	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
37	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
38	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
39	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
41	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
42	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
43	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
44	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639